

NGHIÊN CỨU TỶ LỆ MẮC BỆNH CỦA NGƯỜI CHĂN NUÔI LỢN TẠI HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Đỗ Văn Hàm, Trần Văn Tập*

Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

** Học viện quản Y, Hà Nội*

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu 769 người chăn nuôi lợn trên 20 con/lúa năm 2006, cho thấy tỷ lệ mắc bệnh nấm da, nhiễm giun đường ruột chiếm tỷ lệ cao hơn so với các bệnh khác. Tỷ lệ mắc bệnh nấm da (37,32%), tỷ lệ nhiễm giun đường ruột (51,97%). Các tác giả khuyến nghị cần nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành của người chăn nuôi lợn nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh nấm da và nhiễm giun đường ruột.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lao động chăn nuôi gia súc là một trong các loại hình nông nghiệp đặc thù với nhiều tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp. Hiện nay tỷ lệ các bệnh dịch lây từ gia súc như cúm lợn, nhiễm trùng, nhiễm độc, lợn tai xanh đang trở thành mối lo ngại của nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Nghiên cứu của nhiều tác giả cho thấy sức khỏe của người chăn nuôi bị ảnh hưởng do ô nhiễm từ môi trường chăn nuôi như tiếp xúc với các chất thải của gia súc mà không được xử lý triệt để, ảnh hưởng của các sản phẩm từ động vật như ăn thịt, uống sữa của các loại động vật bị bệnh và không được nuôi bằng các thức ăn không an toàn. Tỷ lệ mắc bệnh của người chăn nuôi lợn ra sao còn ít các nghiên cứu để cập tới. Vì vậy, chúng tôi tiến hành đề tài nhằm mục tiêu: Mô tả tỷ lệ mắc bệnh của người chăn nuôi lợn.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tác giả chính: Nguyễn Thị Quỳnh Hoa
Địa chỉ: Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
Điện thoại: 0915 223 299
Email: ntqhoa375ydt@gmail.com

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người chăn nuôi lợn có tiêu chuẩn:
+ Chăn nuôi lợn liên tục trên 20 con/lúa.
+ Chăn nuôi liên tục và sống tại nơi nghiên cứu trên hai năm.
+ Chăn nuôi trên 4 giờ/ ngày.

2.1.2. Địa điểm nghiên cứu

Xã Thanh Ninh, Dương Thành, Kha Sơn huyện Phú Bình - Thái Nguyên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu mô tả, thiết kế nghiên cứu cắt ngang.

2.2.1. Chọn mẫu nghiên cứu: chọn mẫu toàn bộ.

- Mẫu xác định tỷ lệ mắc bệnh của người chăn nuôi lợn: 769 người.
- Mẫu xét nghiệm phân của người chăn nuôi lợn: 279 người.

2.2.2. Phương pháp thu thập chỉ tiêu nghiên cứu.

- Tỷ lệ mắc bệnh da, nấm da, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp, tâm thần kinh, mắt qua khám lâm sàng.

- Tỷ lệ nhiễm trùng giun trong phân: trứng giun đũa, trứng giun tóc, trứng móc qua xét nghiệm phân.

2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu: sử dụng phần mềm STATA 10.5

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm về đối tượng nghiên cứu

Chỉ tiêu nghiên cứu	Tần số (n = 769)	Tỷ lệ %
Giới	Nam	375 48,76
	Nữ	394 51,24
Thâm niên chăn nuôi (năm)	Từ 2 đến < 5	169 21,98
	Từ 5 đến <10	282 36,67
	Từ 10 đến <15	239 31,08
	Từ 15 đến ≤ 20	79 10,27

Kết quả bảng 1 cho thấy tỷ lệ nam và nữ người chăn nuôi tương đối như nhau. Thâm niên chăn nuôi từ 5 đến 10 năm là 36.67%.

Bảng 2. Tỷ lệ mắc bệnh của người chăn nuôi lợn

Bệnh	Tần số (n = 769)	Tỷ lệ %
Da	368	47,85
Hô hấp	261	33,94
Mắt	248	32,25
Tiêu hóa	212	27,57
Tâm thần kinh	185	24,06
Cơ xương khớp	182	23,67
Tiết niệu	14	1,82

Kết quả bảng 2 cho thấy tỷ lệ mắc bệnh da của người chăn nuôi chiếm tỷ lệ cao nhất (47,85%), tỷ lệ mắc bệnh hô hấp là 33,94%, bệnh mắt (32,25%), bệnh tiêu

hóa (27,57%), bệnh tâm thần kinh (24,06%), bệnh cơ xương khớp (23,67%), bệnh tiết niệu (1,82%).

Bảng 3. Tỷ lệ mắc bệnh da của người chăn nuôi lợn

TT	Bệnh da	Tần số (n = 769)	Tỷ lệ %
1	Các bệnh da	368	47,85
1.1	Nấm da	287	37,32
1.2	Sẩn ngứa - Dị ứng	31	4,03
1.3	Viêm da nhiễm khuẩn	16	2,08
1.4	Viêm da tiếp xúc	18	2,34
1.5	Viêm da cơ địa	16	2,08
2	Các bệnh nấm da	287	
2.1	Nấm móng	88	11,44
2.2	Nấm kẽ tay	83	10,79
2.3	Nấm kẽ chân	78	10,14
2.4	Nấm da thường	28	3,64
2.5	Lang ben	10	1,30

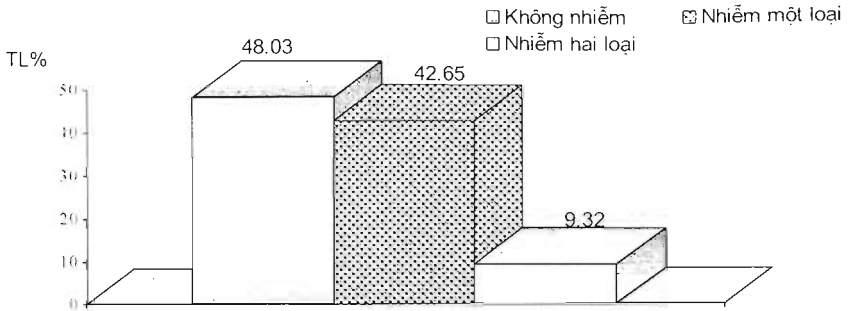
Kết quả bảng 3 cho thấy tỷ lệ mắc bệnh nấm da chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các bệnh da (nấm da: 37,32%; sẩn ngứa: 4,03%; viêm da nhiễm khuẩn: 2,08%; viêm da tiếp xúc: 2,34%; viêm da cơ địa: 2,08%).

Bảng 4. Tỷ lệ nhiễm trùng giun trong phân của người chăn nuôi lợn

Trùng giun	Tần số (n = 279)	Tỷ lệ %
Nhiễm chung	145	51,97
Trùng giun móc	91	32,62
Trùng giun đũa	58	20,79
Trùng giun tóc	22	7,89

Kết quả bảng 4 cho thấy tỷ lệ nhiễm trứng giun trong phân của người chăn nuôi là 51.97%. Tỷ lệ nhiễm trứng giun móc là 32.62%, trứng giun đũa là 20.79%.

trứng giun tóc là 7.89%. Tỷ lệ đơn nhiễm và đa nhiễm trứng giun trong phân, thể hiện ở hình 1.



Biểu đồ 1 Tỷ lệ đơn nhiễm và đa nhiễm trứng giun trong phân của người chăn nuôi lợn

Tỷ lệ nhiễm một loại giun chiếm tỷ lệ 42.65%; nhiễm hai loại giun là 9.32%.

IV. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu này, bệnh da là bệnh phổ biến, chiếm tỷ lệ khá cao ở người lao động chăn nuôi lợn. Kết quả nghiên cứu bảng 3 cho thấy người chăn nuôi có tỷ lệ mắc bệnh da chiếm tỷ lệ 47.45%. Tỷ lệ mắc bệnh nấm da là 37.32% cao hơn kết quả nghiên cứu của Đỗ Hàm (1997) về diễn biến bệnh da theo mùa tại một xã miền núi phía Bắc: tỷ lệ mắc bệnh nấm da của người nông dân là 26.3% [1]. Năm 2005, Nguyễn Đức Trọng và cs nghiên cứu tỷ lệ mắc bệnh ở nông dân chăn nuôi gia cầm ở Thái Nguyên cho thấy một số bệnh chiếm tỷ lệ cao là bệnh tai mũi họng 73 - 77.5%, tim mạch 14 - 15.5%, hô hấp 11 - 12.5% [2]. Kết quả nghiên cứu về sức khỏe bệnh tật người lao động chăn nuôi gia súc, gia cầm ở Nga cho thấy bệnh ngoài da (viêm da và nấm da) chiếm tỷ lệ cao ở những người chăn nuôi (10 - 50%), phù hợp với nghiên cứu của đề tài của chúng tôi. Như vậy người chăn

nuôi có tỷ lệ mắc bệnh nấm da cao hơn so với người dân trong nghiên cứu của các tác giả khác bởi vì người chăn nuôi lợn thường xuyên tiếp xúc với các thực phẩm của lợn như băm rau, nấu cám...; xử lý phân của lợn; quét dọn vệ sinh chuồng trại mà không thường xuyên sử dụng bảo hộ lao động và vệ sinh cá nhân kém nên tỷ lệ mắc bệnh nấm da cao hơn so với người lao động làm việc trong các ngành nghề khác.

Ngoài ra, người chăn nuôi còn bị mắc một số bệnh như tiêu hóa, tiết niệu, hô hấp, mắt. Nghiên cứu của Brhel cho thấy những người chăn nuôi gia súc bị mắc hen nghề nghiệp là 12.1%, viêm mũi dị ứng nghề nghiệp 5.7% và cả hen và viêm mũi dị ứng là 3.1% [3]. Theo nghiên cứu của Wings (2000) cho thấy những người chăn nuôi có tỷ lệ mắc ho, đau mắt, da, tiêu chảy cao hơn những người không chăn nuôi [4]. Kết quả nghiên cứu của đề tài về bệnh hô hấp là 33.94%; bệnh mắt là 32.25%; bệnh tiêu hóa là 27.57%, bệnh tâm thần kinh là 24.06%; bệnh cơ xương khớp là 23.67%; bệnh tiết niệu là 1.82%

(bảng 2). Như vậy người chăn nuôi lợn có tỷ lệ mắc bệnh giống như các nghiên cứu của các tác giả khác, song tỷ lệ mắc bệnh nấm da cao hơn và cũng là bệnh có tỷ lệ mắc cao ở những người chăn nuôi lợn tại nơi để tài đã tiến hành nghiên cứu.

Tỷ lệ nhiễm trùng giun của người chăn nuôi lợn tại nơi chúng tôi nghiên cứu là từ 51.97%. Nghiên cứu của Do (2007) điều tra về tỷ lệ nhiễm giun của người làm nông nghiệp tại vùng ven Hà Nội (Việt Nam) cho thấy tỷ lệ nhiễm giun móc là 21.8% và tỷ lệ nhiễm giun chung là 39% [5]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi về tỷ lệ nhiễm giun ở người chăn nuôi cao hơn so với các tác giả khác. Như vậy, kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy tỷ lệ bệnh người chăn nuôi hay mắc là bệnh giun đường ruột và bệnh nấm da. Chính vì vậy, cần nâng cao kiến thức và thực hành về phòng bệnh nấm da và bệnh giun đường ruột cho người chăn nuôi.

V. KẾT LUẬN

Người chăn nuôi lợn tại huyện Phú Bình Thái Nguyên có tỷ lệ mắc bệnh nấm da là 37.32%; nhiễm giun đường ruột là 51.97% cao nhất so với các bệnh khác.

THE RATE OF REARING PIGS IN PHU BINH DISTRICT THAI NGUYEN PROVINCE

Nguyen Thi Quynh Hoa, Do Van Ham, Tran Van Tap*

Thai Nguyen Medical and Pharmacy University

**Military Medical Academy, Hanoi*

By studying 769 swiner over 20 pigs in 2006, we show that the rate of neodermatological disease (37.32%) and parasitic disease (51.97%). The authors recommend that it is necessary to improve

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hàm (1997). "Ảnh hưởng của biến đổi vi khí hậu lên sức khỏe cộng đồng dân cư một xã miền núi". Báo cáo tổng kết đề tài khoa học cấp Bộ. Bộ giáo dục và đào tạo. tr. 31 - 45.
2. Nguyễn Đức Trọng, Đỗ Hàm, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2005), "Môi trường lao động và sức khỏe, bệnh tật nông dân chăm sóc gia cầm ở một số vùng tại Thái Nguyên". Báo cáo toàn văn các công trình nghiên cứu khoa học - Viện Y học lao động và VSMT. tr. 163 - 167.
3. Brhel P. (2003). "Occupational respiratory diseases in the Czech Republic". *Ind Health*, 41 (2), p. 121-3.
4. Wing S., S. Wolf (2000). "Intensive livestock operations, health, and quality of life among eastern North Carolina residents". *Environ Health Perspect*. 108 (3), p. 233-8.
5. Do T.T., Molbak K., Phung D. C., Dalsgaard A. (2007). "Helminth infections among people using wastewater and human excreta in peri-urban agriculture and aquaculture in Hanoi, Vietnam". *Trop Med Int Health*, 12 Suppl 2 p. 82-90.4.

knowledge, attitude and practice for household piggeries to reduce infection rate parasitic disease and neodermatological disease.